

<p>- Cho HS ghép tiếng: cu</p> <p>- Đánh vần tiếng cu: cờ - ua - cua</p> <p>- Cho HS đánh vần.</p> <p>- Giúp đỡ , sửa sai.</p> <p>- Q.sát tranh, hỏi: Tranh vẽ gì? →: Đúng rồi, đây là con cua biển hay còn gọi là cua bể. Đó là tên gọi chung của tất cả loài cua sống ở biển. Con cua bể rất giàu canxi giúp xương chắc khỏe, tăng cường chiều cao nên các con nên ăn cua trong bữa ăn hằng ngày.</p> <p>?: Ai đọc trơn được từ này?</p> <p>- GV đọc mẫu và cho HS đọc.</p> <p>- GV giúp đỡ, sửa sai.</p> <p>* Luyện đọc: ua, cua, cua bể</p> <p>2.2.2. Học vần: ua</p> <p>a. <u>Nhận diện vần</u></p> <p>?: Mời một bạn phân tích cho cô vần ua nào? → Vần ua gồm có âm u đứng trước ghép với âm a đứng sau.</p> <p>- Cho HS ghép vần ua</p> <p>- So sánh ua và u?</p> <p>b. <u>Đánh vần</u></p> <p>- GV đánh vần mẫu : u – a - ua</p> <p>- GV giúp đỡ, sửa sai.</p> <p>c. <u>Tiếng khóa, Từ khóa</u></p> <p>?:- Có vần ua, cô thêm âm ng trước vần ua và dấu nặng dưới âm u, được tiếng gì? → Tiếng ngựa có âm ng trước ghép với vần ua đứng sau, thêm dấu nặng dưới âm u.</p> <p>- Cho HS ghép tiếng: ngựa</p> <p>- Đánh vần mẫu: ngờ – ua – ngựa – nặng – ngựa.</p> <p>- Lắng nghe, sửa sai.</p> <p>- Cho HS q.sát tranh, hỏi: Tranh vẽ gì?</p>	<p>trước ghép với vần ua đứng sau.</p> <p>- Ghép tiếng: cu</p> <p>- HS đánh vần cá nhân, nhóm, đồng thanh</p> <p>- Trả lời: Tranh vẽ con cua.</p> <p>- Đọc trơn: cua bể</p> <p>- HS đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh</p> <p>- HS đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh</p> <p>- Vần ua gồm âm đứng trước ghép với âm a đứng sau.</p> <p>- HS ghép vần ua</p> <p>+ Giống: đều có âm u đứng trước</p> <p>+ Khác: ua bắt đầu bằng u, ua bắt đầu bằng u.</p> <p>- HS phát âm cá nhân, nhóm, đồng thanh</p> <p>- ngựa</p> <p>- HS ghép: ngựa</p> <p>- HS đánh vần cá nhân, nhóm, đồng thanh</p> <p>- Trả lời</p>
--	--

<p>→ Bức tranh vẽ một bạn nhỏ đang cưỡi ngựa gỗ. - Ai đọc trơn cho cô từ này được? - Đọc mẫu và cho HS đọc. * Luyện đọc: ưa, ngựa, ngựa gỗ.</p> <p>→ Chúng ta đã học được vần ua vần ư, bạn nào giỏi đọc được hết lại nào? * Luyện đọc: ua, cua, cua bể; ưa, ngựa, ngựa gỗ.</p>	<p>- Đọc trơn: ngựa gỗ. - HS đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh - HS đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh</p>
<p>Giải lao</p> <p>2.2.3 Đọc từ ứng dụng</p> <p>Cà chua tre nứa Nô đùa xưa kia</p> <p>* Đọc từ: - Đánh vần tiếng - Tiếng nào có chứa vần vừa học? - Phân tích tiếng - Đọc trơn từ - Giải thích từ</p> <p>- Giải thích từ: + cà chua: là một loại rau quả. Quả ban đầu có màu xanh, chín ngả màu từ vàng đến đỏ có vị hơi chua, giàu vitamin C và A, rất tốt cho sức khỏe. + nô đùa: là Chơi đùa một cách ồn ào, vui vẻ. Trẻ em nô đùa ngoài sân. + tre nứa: Là loại cây thân có hình ống, phân thành đốt. Tre nứa thường dùng để đan lát thành rổ, rá. + xưa kia: giống nghĩa với từ “trước đây” nhưng chỉ về thời gian đã qua rất lâu rồi.</p> <p>- GV đọc mẫu và cho HS đọc lại 4 ứng dụng. * Luyện đọc toàn bài</p>	<p>- HS đọc thầm - Làm theo yêu cầu của GV - HS đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh - HS đọc - Tìm và gạch chân tiếng mới - HS lắng nghe - HS đọc cá nhân, nhóm, đồng thanh</p>
<p>2.2.4. Hướng dẫn viết</p> <p>- Viết mẫu và hướng dẫn cách viết các vần: ua – ưa (Lưu ý nét nối giữa u và a, độ cao 2 ô ly) - Cho HS viết bảng con - GV nhận xét, sửa sai</p> <p>- GV viết mẫu và hướng dẫn cách viết các từ: cua bể, ngựa gỗ (Lưu ý cho HS các nét khó)</p>	<p>- HS quan sát - lắng nghe - HS viết bảng - HS quan sát, lắng nghe - HS viết</p>

<ul style="list-style-type: none">- GV cho HS viết bảng con- GV nhận xét, chỉnh sửa. <p>3. <u>Củng cố, dặn dò:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- HS thi đọc giữa các tổ.- GV nhận xét tiết học.	<p>- HS đọc.</p>
--	------------------